

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN S-TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02/DSST**

Ngày: 23/01/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đời
2. Bà Vũ Thị Lệ Thủy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Phú Huy - Cán bộ Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S: Bà Lê Thị Vân Anh – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐST-DS ngày 12/4/2023 và thông báo thời gian mở lại phiên tòa ngày 28/12/2023.

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị N** - sinh năm 1984; Trú tại: 410 đường V, phường H, quận N, Đà Nẵng. có mặt

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn: Ông **Trương Nguyễn Công N** – sinh năm: 1983- Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Nhân Việt thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Lầu 99 Tòa nhà 99 đường X, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. có mặt

- Bị đơn: Bà **Đào Thị Như L** – sinh năm: 1979; Trú tại: 92 đường P, phường A, quận S, Đà Nẵng. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. có mặt

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Trần Kim C**; sinh năm: 1993, Trú tại: tổ 24 phường M, quận N, Đà Nẵng. vắng mặt

2. Anh **Phan Văn N**; sinh năm: 1991- Trú tại: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

3. Ông **Dương Tấn T**; Trú tại: đội 8 Thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

4. Ông **Dương T**, sinh năm: 1998 – Trú tại: đội 8 Thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

5. Bà **Nguyễn Thị Xuân P**, sinh năm: 1993; Trú tại: Thôn B, xã H, huyện H, Đà Nẵng. vắng mặt

6. Ông **Hà Đ** – sinh năm: 1980 – Địa chỉ: 108 đường V, phường M, quận N, Đà Nẵng. có mặt

7. Ông **Đào Duy B**, sinh năm: 1995 – Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, thị xã Đ, Quảng Nam. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/01/2022, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

Do có mối quan hệ làm ăn vì tin tưởng nên từ tháng 01/ 2019 đến tháng 7/2020, bà Lê Thị N đã cho bà Đào Thị Như L mượn tiền nhiều lần với tổng số tiền là: 104.165.000.000 đồng, số tiền này được bà Đào Thị Như L xác nhận bằng giấy mượn tiền đề ngày 10/7/2020 do chính bà L viết và ký nhận và Bà L hẹn thời gian trả nợ sau 30 ngày kể từ ngày viết giấy. Tuy nhiên đến hạn trả nợ thì bà L không trả theo đúng cam kết. Mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu bà L thanh toán khoản nợ nhưng bà L cố tình trì hoãn không trả.

Nay bà N yêu cầu Tòa án buộc bà Đào Thị Như L phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà N số tiền 104.165.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, bà N xác nhận hoàn toàn không có việc bà ép buộc, uy hiếp bà L viết giấy mượn tiền như trình bày của bà L cũng như không có việc bà cho bà L vay tiền mà phải trả lãi cho bà N. Bà xác định khoản nợ 104.165.000.000 đồng là tiền gốc bà đưa cho bà L.

**** Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn bà Đào Thị Như L bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn:***

Bà L xác nhận bà không vay bà N số tiền 104.165.000.000 đồng. Thực tế vào năm 2019 bà có vay bà N số tiền 20.000.000.000 đồng với lãi suất 0,3%/ ngày, trả lãi trước từ 03-10 ngày 1 lần. Đến năm 2020, do tình hình dịch bệnh covid 19 nên bà chậm trả lãi cho bà N, lúc này bà N tính tiền lãi là 0,4%/ ngày, tiền lãi được cộng dồn vào tiền gốc và tiếp tục tính lãi. Bà đã liên tục trả gốc và lãi nhưng do quá nhiều nên bà không có khả năng trả hết được. Sau đó bà N đến công ty ép bà phải viết giấy mượn tiền vào ngày 10/7/2020. Bà L xác định giấy mượn tiền do bà N cung cấp tại Tòa là giấy do bà viết và ký nhận. Tuy nhiên việc bà phải viết giấy mượn tiền trên là do bị bà N uy hiếp bà phải viết nhận nợ với số tiền thực tế không phải như vậy. Số tiền bà đã trả cho bà N nhiều hơn số tiền thực tế bà vay bà N. Ngoài ra bà nhiều lần trả tiền qua tài khoản Ngân hàng cho bà N, nhân viên của bà là anh C, anh D, anh T, chị P, anh T nhiều lần đi trả nợ giúp cho Bà xác nhận bà chỉ nợ bà N số tiền 20.000.000.000 đồng, hiện tại bà L chưa xác định được phương án trả nợ vì bà L đang bị giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Xuân P trình bày tại bản tự khai ngày 13/02/2023:

Vào tháng 10/2015 tôi có làm việc tại Công ty TNHH A tại địa chỉ 127 đường H, phường B, quận H, Đà Nẵng do ông Đào Duy Đ làm giám đốc (tôi được biết bà Đào Thị Như L nhờ ông Đ đứng tên làm giám đốc về mặt giấy tờ, còn lại mọi việc kinh doanh do bà L thực hiện). Nhiệm vụ chính của tôi là kế toán, làm các công việc kế toán hồ sơ của Công ty. Trong quá trình làm việc tôi có thấy bà N vài lần đến công ty

nhưng tôi không rõ mối quan hệ giữa bà N và bà L là gì. Việc quan hệ vay mượn giữa bà N và bà L tôi hoàn toàn không biết.

Việc bà L khai nhiều lần nhờ nhân viên đi trả nợ giúp cho bà N thì tôi không biết việc này. Bản thân tôi chưa từng được bà L nhờ đi trả tiền cho bà N bất cứ khoản vay nào cho bà N. Do đó việc bà L khai có nhờ tôi đi trả nợ cho bà N là không đúng.

Đối với việc bà L khai có quyền sở quỹ trả tiền vay ngoài xã hội thì tôi hoàn toàn không biết. Vào khoảng tháng 5/2020 tôi nghỉ thai sản, tháng 8/2020 bà L bị bắt do đó từ đó đến nay tôi cũng nghỉ việc tại Công ty.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Trần Kim C trình bày tại bản tự khai ngày 16/02/2023:

Năm 2016 tôi vào làm việc tại Công ty TNHH A tại 127 đường H, phường B, quận H, Đà Nẵng do ông Đào Duy Đ làm giám đốc (tôi được biết bà Đào Thị Như L nhờ ông Đ đứng tên làm giám đốc về mặt giấy tờ, còn lại mọi việc kinh doanh do bà L thực hiện. Tôi có thấy bà N vài lần đến công ty nhưng tôi không rõ mối quan hệ giữa bà N và bà L là gì. Việc quan hệ vay mượn giữa bà N và bà L tôi hoàn toàn không rõ, chỉ có 1-2 lần bà L có nhờ tôi đưa tiền cho nhân viên của bà N nhưng tôi không rõ đưa bao nhiêu tiền, không nhớ rõ thời điểm giao tiền, mỗi lần đưa tiền không có ký nhận gì cả. Tôi chưa bao giờ chuyển tiền từ tài khoản của tôi sang tài khoản của bà Lê Thị N, toàn bộ giấy tờ sổ sách ghi chép của bà L đã được Công an thành phố Đà Nẵng thu giữ để làm việc.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn N trình bày tại bản tự khai ngày 16/02/2023:

Năm 2018 tôi vào làm bảo vệ tại Nhà hàng T tại Lô 14 đường V, quận S, Đà Nẵng do bà Đào Thị Như L làm chủ. Trong quá trình làm việc tại nhà hàng thì tôi không thấy bà N đến nhà hàng và cũng không biết rõ mối quan hệ giữa bà L và bà N là gì, cũng không biết quan hệ vay mượn tiền của họ. Bà L có 1 vài lần đưa số điện thoại, địa chỉ và tiền cho tôi đi trả nhưng tôi không biết trả cho ai, trả bao nhiêu và tiền này là tiền gì. Tôi xác định chưa đưa tiền cho bà N bao giờ, do đó lời khai của bà L nhờ tôi đi trả tiền cho bà N là không đúng.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Dương Tấn T trình bày tại bản tự khai ngày 16/02/2023 :

Năm 2019 tôi vào làm bảo vệ tại Công ty TNHH A tại 127 đường H, phường B, quận H, Đà Nẵng do bà L làm chủ.

Trong quá trình làm việc tại công ty tôi không thấy bà N đến công ty, cũng không rõ mối quan hệ giữa bà N và bà L. Bà L có 1 vài lần đưa tiền, đưa số điện thoại và địa chỉ cho tôi để đi trả nhưng tôi không nhớ trả cho ai, đưa bao nhiêu tiền vì bà L thường bỏ tiền vào phong bì nói tôi qua giao chứ tôi không kiểm tra trong đó có bao nhiêu tiền. Tôi không biết bà N là ai do đó việc bà L khai nhờ tôi trả tiền dùm là không đúng. Tôi không biết sổ quỹ mà bà L khai vì nhiệm vụ của tôi là bảo vệ, chỉ làm công việc ở công ty và thỉnh thoảng có sai làm một số công việc vặt khác.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Dương T trình bày tại bản tự khai ngày 10/4/2023:

Năm 2019, tôi vào làm nhân viên bán cà phê cho Công ty TNHH V ở đường V, quận S sau đó chuyển sang làm bảo vệ cho Công ty TNHH A ở địa chỉ 127 đường H,

quận H, Đà Nẵng do bà L làm chủ. Trong khoảng thời gian làm việc ở đây do tôi còn đi học nên thời gian làm việc tại công ty không thường xuyên. Về việc bà N đến công ty hay không thì tôi không biết, tôi không biết mối quan hệ giữa bà N và bà L, do đó việc bà L khai nhờ tôi đi trả tiền dùm là không đúng. Tôi không biết quyền sở hữu mà bà L khai là dùng để ghi chép khoản tiền vay bên ngoài vì việc tôi làm ở công ty là quyết định và sắp xếp xe ngay ngắn khi có người đến công ty.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Hà Đ trình bày tại bản tự khai ngày 27/6/2023:

Tôi và bà L có quan hệ là anh em con cô cậu ruột nên năm 2018 tôi qua làm việc tại công ty TNHH A tại 127 đường H, quận H, Đà Nẵng do bà Đào Thị Như L làm giám đốc, nhiệm vụ chính của tôi là lái xe. Tôi không rõ mối quan hệ giữa bà N và bà L chỉ biết bà N hay lên công ty gặp nói chuyện và làm việc. Sau này, tôi cũng được bà L nhờ đi đưa tiền cho bà N và cũng đi lấy tiền từ bà N, số tiền bao nhiêu thì tôi không biết, cũng không rõ là ai vay ai, không nhớ rõ đi giao tiền bao nhiêu lần. Vào ngày 10/01/2020, bà L có nhờ tôi chuyển nhà đất tại địa chỉ 108 đường V, phường M, quận N, Đà Nẵng do tôi và vợ là Phạm Thị L đứng tên tại Văn phòng công chứng N, người nhận chuyển nhượng là ông Phạm T, bà L nói là ký chuyển nhượng. Tại phòng công chứng thì không có ông T, bà N và bà L. Bà L cam kết sau khi bán được đất sẽ chuộc lại nhà cho tôi, chúng tôi không biết giá chuyển nhượng nhà đất là bao nhiêu và cũng không nhận được bất cứ khoản tiền nào từ việc chuyển nhượng nào. Kể từ sau khi chuyển nhượng vợ chồng tôi hiện vẫn đứng tên trên giấy chứng nhận và ở lại ngôi nhà này. Hiện nay, tôi chỉ giữ được bản phô tô của hợp đồng chuyển nhượng trên.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Đào Duy B trình bày tại bản tự khai ngày 27/6/2023:

Tôi và bà Đào Thị Như L có quan hệ bà con trong tộc Đào, đầu năm 2020 tôi qua làm việc tại Công ty TNHH A tại 127 đường H, quận H, Đà Nẵng do bà Đào Thị Như L làm giám đốc. Nhiệm vụ của tôi là nhân viên nhà hàng. Tôi không biết rõ mối quan hệ giữa bà L và bà N chỉ biết có 1 vài lần bà N lên công ty và vào phòng gặp bà L. Tôi biết đó là bà N vì trước đó anh em công ty nói bà N là bạn của bà L.

Trong năm 2020, bà L có nhờ tôi đứng tên dùm 1 lô đất tại đường D, phường N, quận S, Đà Nẵng vì bà L nói đứng tên nhiều lô đất rồi nên nhờ tôi đứng dùm lô đất này. Vì vậy mà tôi cũng không biết rõ lô đất này và cũng không giữ bất cứ giấy tờ gì về lô đất. Sau đó bà L nhờ tôi đứng ra vay Ngân hàng Agribank tầm 4-5 tỷ, khoảng vài tháng sau thì tất toán khoản vay (mọi thủ tục chị L yêu cầu tôi đi ký thôi). Sau khi tất toán khoản vay thì bà L có gọi điện cho tôi và nói đi ký chuyển nhượng lô đất tại Văn phòng công chứng N, tôi không biết người nhận chuyển nhượng lô đất là ai. Khi đến phòng công chứng thì chỉ có ông Trần Kim C giở từng trang hợp đồng cho tôi ký, Bà L, bà N không có mặt ở Văn phòng công chứng. Tôi nghĩ sổ đất này là tài sản của bà L nên bà L nói ký thì tôi ký theo chứ không quan tâm gì đến lô đất và hiện giờ cũng không biết lô đất chuyển cho ai và ai sử dụng.

Hợp đồng chuyển nhượng lô đất trên tôi không giữ và tôi không nhận bất cứ khoản tiền nào từ việc ký chuyển nhượng lô đất này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có trình bày ý kiến:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Đào Thị Như L phải trả số tiền 104.165.000.000 đồng vì lý do sau:

Thứ nhất: Bà Đào Thị Như L thừa nhận vào ngày 10/7/2020 có ký giấy mượn tiền với số tiền 104.165.000.000 đồng

Thứ hai: Bà Đào Thị Như L không đưa ra chứng cứ chứng minh việc bị bà Lê Thị N uy hiếp, ép buộc ký giấy mượn tiền nêu trên

Thứ ba: Bà L không cung cấp các chứng cứ cho việc đã trả tiền cho bà N

Thứ tư: Bà N xác định đây là khoản tiền nợ gốc mà bà L đã vay, bà L khai trong khoản tiền này có cả tiền lãi nhưng không đưa ra bất cứ tài liệu nào thể hiện đây là tiền lãi mà bà L phải trả

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự. Theo đó: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ khâu thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ và mở phiên tòa xét xử. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng.

Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 280, Điều 463, Điều 466, điều 469, điều 471 Bộ luật dân sự 2015

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" của Bà Lê Thị N đối với bà Đào Thị Như L.

Buộc bà Đào Thị Như L phải trả cho bà Lê Thị N một lần toàn bộ số tiền nợ 104.165.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Bà N không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp kiện đòi tiền giữa nguyên đơn bà Lê Thị N với bị đơn bà Đào Thị Như L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Kim C, ông Phan Văn N, ông Dương Tấn T, Dương T, bà Nguyễn Thị Xuân P và ông Đào Duy B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về nội dung vụ án:

Do có mối quan hệ làm ăn với nhau từ tháng 01/2019 đến tháng 7/2020, bà Lê Thị N đã nhiều lần cho bà Đào Thị Như L vay tổng số tiền là: 104.165.000.000 đồng có viết Giấy mượn tiền 10/7/2020 do chính bà L viết và ký nhận. Bà L hẹn thời gian trả sau 30 ngày kể từ ngày viết giấy sẽ trả cho bà N. Tuy nhiên đến hạn trả nợ thì bà L không trả theo đúng cam kết. Mặc dù bà N đã nhiều lần yêu cầu bà L thanh toán khoản

nợ nhưng bà L cố tình trì hoãn không trả. Tại phiên tòa, bà Lê Thị N yêu cầu bà Đào Thị Như L phải trả số tiền 104.165.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Bà L không thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà N và chỉ xác định nợ bà N số tiền 50.000.000 đồng, Do dịch bệnh covid dẫn đến việc làm ăn gặp khó khăn nên bà không trả nợ cho bà N đúng hạn. Hiện nay bà chưa có phương án trả nợ cho bà N do đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Mặc dù, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lê Thị N không cung cấp được giấy mượn tiền bản gốc nhưng bà N cung cấp chứng cứ là vi bằng số 118/2021/VB-TTLLT ngày 06/5/2021 do Văn phòng thừa phát lại T – địa chỉ: 425 đường N, phường H, quận H, Đà Nẵng lập.

Ngày 01/11/2023, Tòa án nhân dân quận S có công văn 303/2023/CV-TA đề nghị Văn phòng thừa phát lại T xác nhận việc có tiến hành lập vi bằng Giấy mượn tiền ngày 10/7/2020 do bà N yêu cầu không? Các nội dung bà N yêu cầu? Thời gian? Địa điểm lập vi bằng? Bà N có cung cấp bản chính giấy mượn tiền tại thời điểm lập vi bằng không?

Ngày 03/11/2023, Văn phòng Thừa phát lại T có văn bản trả lời số 106/2023/CV-TPLTT xác nhận việc ngày 06/5/2021 bà Lê Thị N đến Văn phòng thừa phát lại T đề nghị lập vi bằng số 118/2021/VB-TPLTT cho bà Lê Thị N yêu cầu chứng kiến và ghi nhận bà Lê Thị N cung cấp giấy tờ và hình ảnh cụ thể là bản chính Giấy mượn tiền đề ngày 10/7/2020 và cung cấp hình ảnh được bà N cho biết là nội dung tin nhắn giữa bà N và bà L. Văn phòng Thừa phát lại T đã lập vi bằng theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Đào Thị Như L xác định việc có viết và ký giấy mượn tiền ngày 10/7/2020 với số tiền 104.165.000.000 đồng nhưng thực tế số nợ không phải là con số này.

[4] Xét trình bày của bà Đào Thị Như L tại đơn trình bày ý kiến ngày 19/7/2022 về việc bị uy hiếp, ép buộc ký giấy mượn tiền ngày 10/7/2020 thì thấy:

Ngày 08/9/2022, Tòa án nhân dân quận S, Đà Nẵng có công văn số 228/CV-TA gửi Công an thành phố Đà Nẵng hỏi có đơn tố cáo của bà Đào Thị Như L đối với bà Lê Thị N về hành vi uy hiếp, ép buộc bà Đào Thị Như L viết giấy nợ với số tiền 104.165.000.000 đồng hay không? Ngày 22/9/2022, Công an thành phố Đà Nẵng có văn bản trả lời số 312/VPCQCSĐT từ trước đến nay Cơ quan CSĐT CA thành phố Đà Nẵng không thụ lý, giải quyết đơn của bà Đào Thị Như L tố cáo bà Lê Thị N có hành vi uy hiếp viết giấy nợ và nhắn tin đe dọa liên quan đến khoản vay trên.

Mặt khác, tại các phiên hòa giải và phiên tòa trước đây bà L khai sẽ cung cấp các hình ảnh camera thể hiện việc bị bà N cưỡng ép viết giấy nợ. Tòa án có văn bản yêu cầu bà L cung cấp các tài liệu, chứng cứ nêu trên nhưng tới thời điểm hiện nay bà L vẫn không cung cấp các chứng cứ trên theo yêu cầu. Do đó trình bày của bà L về việc bị bà N uy hiếp, đe dọa viết giấy nợ là không có căn cứ.

[5] Đối với trình bày của bà L tại bản tự khai ngày 19/7/2022, biên bản hòa giải 19/8/2022, ngày 30/11/2022 bà khai có vay tiền của bà N nhiều lần số tiền khoảng 20 tỷ đồng, tại phiên tòa ngày 09/6/2023 bà khai vay nợ khoảng 40 tỷ đồng. Tại biên bản lấy lời khai tại Công an thành phố Đà Nẵng ngày 16/12/2020, bà L khai nợ bà N khoảng 50 tỷ đồng và đã trả nhiều lần tiền cho bà N, hiện nay không xác định rõ còn nợ bao nhiêu. Ngoài ra, bà L khai nhờ nhân viên của mình đi trả nợ cho bà N tuy nhiên

qua việc tự khai của những người liên quan đều xác định không biết rõ mối quan hệ và việc vay mượn tiền giữa bà N và bà L. Có thể thấy lời khai của bà L là không thống nhất về số tiền vay và việc bà L khai nhờ người đi trả tiền cho bà N là không có cơ sở.

Căn cứ theo giấy vay nợ bà L khai do chính bà viết vào ngày 10/7/2020 đồng thời qua rà soát các sao kê tài khoản ngân hàng của bà L cũng như quyển sổ quỹ của bà L do Công an thành phố Đà Nẵng thu giữ thì thấy: kể từ sau thời điểm bà L viết và ký giấy mượn tiền ngày 10/7/2022 cho bà Lê Thị N thì bà L chưa trả thêm bất cứ khoản tiền nào cho bà Lê Thị N. Do đó, lời khai của bà L về việc đã trả tiền cho bà N là không có cơ sở.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy việc vay mượn tiền, giữa bà Lê Thị N và bà Đào Thị Như L là có thật và hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ việc tham gia giấy mượn tiền đã ký kết. Căn cứ theo giấy vay tiền trên đều có đầy đủ chữ ký, chữ viết của bà L, bà L xác nhận có viết và ký giấy mượn tiền nêu trên. Trong quan hệ vay mượn tiền giữa bà N và bà L thì bà L là bên vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N. Do đó yêu cầu của bà N buộc bà L phải trả một lần số tiền nợ **104.165.000.000.000 đồng** là có cơ sở và phù hợp với Điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về tiền lãi: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị N không yêu cầu tính tiền lãi. Tại bản tự khai và biên bản làm việc tại Công an thành phố Đà Nẵng ngày 23/12/2020; ngày 06/10/2021 bà N xác định bà đứng ra vay dùm cho bà L tiền và lãi suất từ 5-7,5%/ tháng, các khoản tiền lãi này trả cho người cho vay tiền, bà không được hưởng chênh lệch hay lợi ích gì từ việc cho vay. Đối với bà Đào Thị Như L thừa nhận các khoản tiền bà N cho vay do bà N đi vay của người khác về để cho bà L vay để hưởng chênh lệch, bà đã trả tiền lãi cho bà N với mức lãi suất từ 0,3%-0,4%/ ngày, tuy nhiên bà L không cung cấp được chứng cứ về việc trả lãi cho bà N do đó Hội đồng xét xử thấy trình bày của bà Đào Thị Như L không có cơ sở.

Căn cứ theo giấy mượn tiền ngày 10/7/2020 thì các bên không thỏa thuận về việc trả tiền lãi. Mặt khác, bà Lê Thị N không yêu cầu tính tiền lãi do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Lê Thị N được chấp nhận nên bà Đào Thị Như L phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật trên số tiền 104.165.000.000 đồng còn nợ là: $112.000.000 + (100.165.000.000 \times 0,1\%) = 212.165.000$ đồng

[9] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S về việc nội dung vụ án cơ bản phù hợp hướng nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 280; Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469, Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" của bà Lê Thị N đối với bà Đào Thị Như L

Xử:

1. Buộc bà Đào Thị Như L phải trả một lần cho bà Lê Thị N số tiền **104.165.000.000 đồng (Một trăm linh bốn tỷ một trăm sáu mươi lăm triệu đồng).**

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 212.165.000 đồng bà Đào Thị Như L phải chịu.

Hoàn trả cho bà Lê Thị N số tiền tạm ứng án phí 106.082.500 đồng bà N đã nộp theo biên lai thu số 0003198 ngày 10/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh